**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014**

**Hòa thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng**

**TẬP 94**

Các vị pháp sư, các vị đồng tu, xin mời ngồi!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 321, hàng thứ nhất, Khoa đề: “**Văn Thù trí đức**”, phần này được chia thành hai đoạn. Đoạn thứ nhất là “***Thị tướng vô đắc***”, phần này được phân thành ba đoạn nhỏ: Đoạn thứ nhất là “***Thị***”, đoạn hai là “***Ví dụ***”, đoạn ba là “***Hợp***”. Mời xem phần Kinh văn: “**Trong các cõi Phật đều có thể thị hiện**”.

Đoạn Kinh văn trên tiếp tục nói về tướng thứ bảy “Chuyển Pháp Luân”: “***Tên của phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền, thật phù hợp với ý nghĩa Phổ Hiền Bồ Tát được kể làm Thượng thủ; Kinh này là Viên giáo, từ quả Khởi Nhân. Nên kế ngay sau ngài Phổ Hiền là Văn Thù; Phổ Hiền tượng trưng cho Hạnh, Văn Thù tượng trưng cho Trí. Không có Trí thì chẳng thể khởi Hạnh, nên lại phải kể rõ tên ngài Văn Thù***”. Thứ tự xếp tên này nó có cái lý của nó, đạo lý đã được giải thích rất rõ ràng rồi.

Kinh này là thuộc về Viên giáo, viên là viên mãn không có khiếm khuyết; cùng với Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo được nói ở phần trước. Trong Hoa Nghiêm là Ngũ giáo, có Tiểu giáo, Thủy giáo và Chung giáo, đều là những giáo lý chưa đạt đến cứu cánh viên mãn. Cứu cánh viên mãn là đạo thành Phật, cũng tức là cái pháp môn thành Phật này. Con đường tu hành này, từ quả Khởi Nhân, A Di Đà Phật là người đã chứng đắc Phật quả. Ngài dùng cái quả thành Phật của Ngài làm thành phương pháp tu hành trên Nhân địa cho chúng ta, cũng tức là “Tín Nguyện Trì Danh”, đây chính là từ quả Khởi Nhân. Cho nên đầu tiên là ngài Phổ Hiền, Phổ Hiền đại biểu cho hành môn; xếp thứ hai chính là ngài Văn Thù, Văn Thù đại biểu cho trí huệ; không có trí huệ thì không thể khởi hạnh được. Cho nên sau Phổ Hiền nhất định phải là Văn Thù.

“**Như sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận viết**”, Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận là trước tác của Cư sĩ Bành Tế Thanh. Cư sĩ Bành Tế Thanh là người thuộc vào thời Vua Càn Long. Vị này cũng là người tái lai, chứ chẳng phải người tầm thường. 18 tuổi đỗ đạt công danh, do bối cảnh gia đình sung túc, cho nên Ông không bước ra làm quan, cả đời Ông không có làm quan. Nền móng của Ông đối với “Nho - Thích - Đạo” rất sâu dày. Cả đời học Phật, sau cùng cũng là niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận là tác phẩm của Ông. Ông soạn sách rất nhiều, bộ kinh Vô Lượng Thọ này là bản được Cư sĩ Khang Tăng Khải phiên dịch. Đầu tiên Ông đem bộ này làm thành một bản tiết hiệu, để tiện lợi hơn cho người đọc.

Sau đó, Ông lại làm chú giải cho cái bản ấy, Chú giải này gọi là Khởi Tín Luận. Trong này có một đoạn văn như sau: “***Chẳng qua khỏi nổi Biển Trí Văn Thù, thì khó nhập Phổ Hiền Hạnh môn***”, nhất định phải khai ngộ. Biển Trí Văn Thù là đại biểu cho sự khai ngộ, chưa khai ngộ thì chẳng thể nào làm nổi Hạnh Phổ Hiền. Tại sao? Vì Hạnh Phổ Hiền là dành cho hàng Pháp thân Bồ Tát tu, cũng tức là phải từ Sơ trụ bên Viên giáo trong Kinh Hoa Nghiêm trở lên, tức là 41 vị Pháp thân Đại sĩ. Các ngài tu Hạnh Phổ Hiền, những vị này người nào người nấy đều là bậc minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tại sao? Vì chưa kiến tánh thì không có cái tâm lớn đến ngần ấy. Hạnh Phổ Hiền quả thật, điều thứ nhất chính là tâm lượng lớn, phải là “**tâm bao thái hư, lượng chu sa giới**”. Đến lúc ấy tất cả hạnh đều gọi là Phổ Hiền Hạnh; *Phổ* là phổ biến, *Hiền* là Thánh hiền; tâm lượng của bậc Thánh hiền là cái tâm “Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác”. Dàn trải bao trùm khắp Pháp giới, vì sao không khai ngộ thì không thể tu Phổ Hiền Hạnh được vậy? “***Vì chẳng biết rõ tự tâm***”, biết rõ tự tâm tức là minh tâm kiến tánh; không thể minh tâm kiến tánh, không thể “***một niệm viên đốn***”. Một niệm chính là hết thảy niệm, hết thảy niệm chính là một niệm, một niệm đốn nghĩa là đốn siêu. Không có thứ lớp, không có phân biệt, ngay một niệm đốn là rốt ráo viên mãn. Một pháp tức là hết thảy pháp, hết thảy pháp tức là một pháp “***Bình Đẳng Chánh Tánh***”, trên Đề kinh bảo là “***Bình Đẳng giác***”.

“**Phàm lẫn thánh cùng có, không sai khác chút nào**” bốn câu này “***một niệm viên đốn, Bình Đẳng Chánh Tánh; phàm lẫn thánh cùng có, không sai khác chút nào***”. Đây là thứ mà hết thảy chúng sanh vốn có đầy đủ tất cả; Phật có; Văn Thù, Phổ Hiền có; mà mỗi người chúng ta ai cũng có, không khác gì với Phật và Bồ Tát. Thế tại sao hiện giờ chúng ta lại là phàm phu, phải trải qua đời sống nơi sáu nẻo luân hồi? Bình Đẳng Chánh Tánh của chúng ta đi đâu mất rồi? Phần sau có nói: “***Do chẳng hiểu rõ (了) nên tất cả hạnh nguyện đều chẳng đầy đủ***”. *Liễu (了)* là hiểu rõ, do chúng ta mê mất rồi nên không biết chuyện này. Bởi vậy, thực ra chúng ta phát nguyện nhưng không có đầy đủ; không đủ một niệm viên đốn, không đủ Bình Đẳng Chánh Tánh, không đủ trọn vẹn, mà trong đó không có chút sai khác nào. Đây là chân lý, chúng ta nhất định phải biết. Chúng ta muốn tu, điều kiện đầu tiên trong việc tu hành chính là phải khai ngộ, phải chứng đắc trí huệ đức năng vốn có. Đây là chuyện lớn hàng đầu, sau đó mọi hạnh của chúng ta tự nhiên hoàn toàn tương ứng với Phổ Hiền Hạnh Nguyện.

Làm sao có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ? Thế thì cần phải tu Giới - Định - Huệ “***nhân giới đắc định, nhân định khai huệ***”. Sau khi khai ngộ thì chính là Phổ Hiền Hạnh. Hiện tại chúng ta đang ở địa vị phàm phu, bởi do chúng ta đã bị mê mất đi tự tánh, chúng ta phát nguyện tu hành nhưng lại không tương ưng với tánh đức. “***Hà dĩ cố***”, nghĩa là tại sao? “***Do từ bên ngoài tâm mà khởi tu nên thành hữu lậu***”, tình trạng tu hành thực tế của chúng ta chính là như vậy. Cái chúng ta dùng là vọng tâm, chứ không phải chân tâm. Ngoài chân tâm chính là vọng tâm, dùng vọng tâm khởi tu thì kết quả sẽ thế nào? Kết quả là phiền não. *Lậu* là danh từ đại diện cho phiền não. Cho nên, chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm toàn là phiền não, ô nhiễm phiền não.

“**Do vô biên công đức chẳng ngoài tự tâm, tùy thuận Chân Như tu hết thảy pháp thì đầy đủ được vô biên công đức**”. Những lời này là lời trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, được cụ hoàng niệm dẫn ra ngay chỗ này; lời không nhiều, nhưng lại nói được rất rõ ràng. Chúng ta phải nhớ công đức vô biên là tánh đức, là thứ vốn đầy đủ trong tự tánh. Tự tánh đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng công đức, vô lượng tướng hảo. Thế Tôn trong Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta: “**Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai**”. Nói thật hay! “**Bởi do vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc**”, đầu tiên chúng ta phải thật sự tin tưởng.

Chân thật tu hành phải tùy thuận Chân Như mà tu hết thảy pháp, tùy thuận Chân Như chính là chúng ta thường hay nói là dùng “chân tâm”. Đại thừa giáo, trước hết là dạy chúng ta phát tâm Bồ đề. Tâm Bồ đề chính là chân tâm, Bồ đề là tiếng Ấn Độ dịch thành ý nghĩa Trung Quốc là Giác. Giác là gì? Chính là “Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác” trên Đề kinh của chúng ta. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác mà không mê, đây chính là tâm Bồ đề, chính là chân tâm. Phải nên dùng cái tâm này, không thể dùng vọng tâm. Vọng tâm là gì? Chính là cái tương phản với cái này; tương phản với thanh tịnh là ô nhiễm. Vậy ô nhiễm là gì? Là phân biệt chấp trước, đây là ô nhiễm. Buông xả ô nhiễm liền khôi phục lại được tâm thanh tịnh, buông xả phân biệt liền khôi phục lại tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh là A La Hán, Bích Chi Phật, là sở chứng đắc của chân tâm. Nhưng chưa phải là chân tâm một cách viên mãn, nhưng nó là thật chứ không phải giả. Tâm bình đẳng là sở chứng đắc của Bồ Tát. Tam thừa Bồ Tát với Quyền Giáo Bồ Tát tức là chưa phải bậc minh tâm kiến tánh. Tâm bình đẳng của các ngài sẽ tương ưng với mức độ thiền định mà Bồ Tát tu được. Không định cơ duyên thế nào, đến lúc họ sẽ hốt nhiên đại ngộ liền minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh, thì trên Đề kinh dùng một chữ, chính là “Giác”.

“Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác”, các ngài giác ngộ rồi, các ngài tùy thuận Chân Như rồi. Người như vậy, Đại thừa giáo xưng là Pháp thân Bồ Tát. Trên kinh thường nói là 41 vị Bồ Tát của cõi Báo Độ, Báo Độ chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, các ngài sẽ ở cõi Thật Báo tu hành. Có người hỏi tôi, 41 vị này đồng nghĩa có 41 cấp bậc, các ngài đã buông bỏ khởi tâm động niệm rồi; không khởi tâm không động niệm, nếu đã không khởi tâm không động niệm, vậy vẫn còn cấp bậc sao? Thế thì cấp bậc do đâu mà có? Cấp bậc đều là do khởi tâm động niệm mà ra. Không khởi tâm không động niệm thì lấy đâu ra cấp bậc? Phật lại nói với chúng ta, 41 vị gồm Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Phật không hề vọng ngữ, vậy cấp bậc này từ đâu mà có? Tôi đã suy nghĩ rất lâu, chợt nhớ ra phần trước đó. Trước khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, là vô thủy vô minh. Do một niệm bất giác mà có A lại da, phân biệt là trần sa phiền não, trần sa là ví dụ cho nhiều. Cả ngày từ sớm đến tối khởi vọng tưởng, vọng tưởng vô lượng vô biên. Cứ một cái tiếp nối một cái, thật sự nhiều như bụi vi trần vậy, dùng trần sa để ví cho nó. Phiền não quan trọng nhất là chấp trước; chấp trước là kiến tư phiền não chính là cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta. Đối với vũ trụ nhân sinh và tất cả vạn vật, đây là thứ nghiêm trọng nhất.

Sáu nẻo luân hồi là do nó sáng tạo ra, cho nên đoạn được kiến tư phiền não thì không còn thấy sáu nẻo luân hồi. Sáu nẻo luân hồi giống với cái gì? Đức Phật trong Kinh ví nó như mộng huyễn bào ảnh, nó là một giấc mộng. Trong mộng thì tưởng như là thật có, tỉnh lại rồi thì không còn nữa, đến vết tích của mộng cũng không tìm thấy. Sáu nẻo quả thật là một giấc mộng, tam thiện đạo là mộng lành, còn tam ác đạo là ác mộng. Nhưng nên biết đều là mộng cả, đều chẳng phải thật. Đoạn được kiến tư phiền não, ai có thể đoạn được vậy? A La Hán với Bích Chi Phật có thể đoạn được. Vì thế, chứng quả A La Hán, siêu việt sáu nẻo luân hồi, tự nhiên không còn thấy sáu nẻo luân hồi. A La Hán, Bích Chi Phật, Phật, Bồ Tát đều có năng lực; các ngài không những không có sáu nẻo, mà ngay cả mười Pháp giới cũng không có, nhưng các ngài có bản lĩnh thị hiện ở lục đạo và mười Pháp giới.

Thích Ca Mâu Ni Phật vào ba ngàn năm trước, thị hiện bát tướng thành đạo nơi vùng đất Ấn Độ, trên trái đất của chúng ta. Người do Bồ Tát thị hiện đến càng nhiều hơn, A La Hán đến thị hiện cũng không ít. Các ngài không để lộ thân phận, nên phàm phu chúng ta không biết. Chỉ có số ít có nhân duyên đặc thù, nên các ngài mới để lộ thân phận. Chúng ta biết được các ngài là do Phật Bồ Tát nào tái lai đến. Nhưng nhà Phật có một thông lệ, hễ thân phận bị lộ thì nhất định phải ra đi; nếu như không đi thì đó là giả, không phải thật. Như Bồ Tát Di Lặc, tức là Bố Đại Hòa thượng; Ngài họ gì, tên gọi là chi chẳng có ai biết. Trong Cao Tăng Truyện có ghi chép, lúc lâm chung Ngài có nói với mọi người, Ngài là Bồ Tát Di Lặc tái lai. Vừa dứt lời thì Ngài ra đi, đây là thật, không có gạt người.

Vì vậy, trong Cao Tăng Truyện có ghi chép sự tích của Ngài. Danh tánh, quê quán không có nói chi tiết, cũng chẳng ai biết tuổi tác thật sự của Ngài, ngay cả ngày tháng năm sinh đều không biết. Ngài xuất hiện ở đâu? Ở vùng Chiết Giang - Phụng Hóa, Ngài ở cùng thời đại với Nhạc Phi thời Vua Tống Cao Tông đời nhà Tống. Xuất hiện ở khu vực Phụng Hóa, là một nhân vật truyền kỳ. Người ta thấy hình tướng của Ngài lúc nào cũng hoan hỷ, cho nên mọi người gọi Ngài là Hoan Hỷ Phật. Bất kể là vào lúc nào, bất kể ở nơi đâu, bạn thấy Ngài, Ngài đều khúc khích cười. Mỗi ngày luôn vác một cái bao bố ra bên ngoài hóa duyên. Người ta cúng dường cho Ngài đồ ăn, đồ dùng, Ngài đều bỏ hết vào trong cái bao tải đó, rồi vác lên vai mà đi. Vì thế mới có tên là Hòa thượng Bố Đại; không biết pháp hiệu của Ngài, nên người ta gọi Ngài là Bố Đại Hòa thượng. Dần dần Bố Đại Hòa thượng rất nổi tiếng, người ta thỉnh giáo Phật pháp với Ngài, Phật pháp là gì? Ngài đem cái bao đặt xuống đất, buông thỏng hai tay rồi xòe lòng bàn tay ra, mọi người liền biết đây là buông xả. Sau khi buông xả thì thế nào? Ngài không nói gì cả, chỉ vác bao lên trên lưng rồi bỏ đi. Ý nghĩa thị hiện này rất sâu, phải “***nhìn cho thấu, buông cho xuống***”. Nhìn thấu, sau khi buông xả rồi thì vẫn phải nhấc lên được. Nhấc lên để làm gì? Để độ chúng sanh; nhìn thấu, buông xả là để độ chính mình. Sau khi tự độ thì phải độ chúng sanh, không độ chúng sanh là sai, đây là điều Bồ Tát đến thị hiện.

Bồ Tát Di Lặc ở bên nước ngoài, có hình dáng na ná với Quan Thế Âm Bồ Tát, cũng từa tựa với tượng Đại Thế Chí Bồ Tát; chỉ có Bồ Tát Di Lặc ở Trung Quốc là có hình tượng của Hòa thượng Bố Đại. Cái biểu pháp này biểu thật hay. Người ta đặt Ngài ngoài cổng lớn của chùa, đặt Ngài trong chánh điện Thiên Vương, hai bên là Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương là hộ pháp, thì Ngài Di Lặc được xếp chính giữa. Ý là biểu thị bước vào cửa Phật, tâm lượng phải lớn, có thể bao dung. Bụng của Bố Đại Hòa thượng rất lớn, biểu thị Ngài có thể bao dung, mặt luôn tươi cười. Hải Hiền lão Hòa thượng chính là biểu cái pháp này, cả đời chưa hề mắng ai bao giờ, chưa hề phê bình bất kỳ người nào. Nhìn thấy người, việc, vật thế nào đều tốt cả, đều hoan hỷ. Đây chính là Bố Đại Hòa thượng, cũng tức là Bồ Tát Di Lặc. Đại từ đại bi, phổ độ chúng sanh, dùng chân tâm liền có thể làm được.

Chứng tỏ tâm của Hải Hiền Hòa thượng, chúng ta dùng lời đơn giản nhất để hình dung Ngài. Chính là trong tâm Ngài chỉ có mỗi A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, tất cả người việc vật Ngài đều không để trong tâm. Đây chính là chân tâm, còn cái tâm của chúng ta không phải chân tâm. Vì sao? Vì trong tâm của chúng ta bỏ quá nhiều thứ tạp nhạp, cái gì cũng có; nào là thất tình ngũ dục, danh văn lợi dưỡng. Vọng tưởng phân biệt chấp trước đều ở hết trong ấy, làm sao mới có thể quét sạch chúng đây? Ngay cả Tiến sĩ Hew Len của Hoa Kỳ muốn trị bệnh cho người, Ông ấy đều phải thanh trừ cho thật sạch cái tâm của mình. Bất kể là mặt xấu hay mặt tốt, thì những ý niệm đó đều là vọng tưởng. Tại sao? Vì chân tâm không có ý niệm. Không có ý niệm, lời này thật rất khó hiểu. Nếu như chúng ta nghe sai rồi... Thật vậy, ý niệm gì cũng buông hết, không còn gì nữa. Không có gì hết thì biến thành cái gì? Là vô tưởng định. Tương lai sanh đến cõi Tứ Thiền Vô Tưởng Thiên, cái này rất phiền phức.

Có tưởng là sai, mà vô tưởng cũng sai. Có tưởng hay vô tưởng thảy đều không có, đây mới là chân tâm. Cho nên Tịnh tông đặc sắc, Tịnh tông cái gì cũng gạt đi hết, trong đó chỉ chừa lại một mình A Di Đà Phật mà thôi. A Di Đà Phật là chân tâm, A Di Đà Phật là chánh niệm. Thế thì cái này dễ làm hơn rồi, trong tâm chúng ta không có gì hết thì thật không thoải mái, vả lại cũng chẳng làm được. Thật sự không có cái gì hết, khẳng định chính là vô tưởng định, cái đó vẫn xem là có. Có cái gì? Có cái vô tưởng, thế thì sai rồi. Có hữu tưởng là sai, mà có vô tưởng cũng sai; chúng ta đem vô tưởng đổi thành A Di Đà Phật thì đúng rồi. Đây là diệu pháp thù thắng không gì bằng của Tịnh tông. Tùy thuận Chân Như, tu hết thảy pháp; hết thảy pháp, trong sinh hoạt, trong công việc, đối người tiếp vật, mọi lúc mọi nơi, thảy đều tùy thuận Chân Như. Chân Như không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Đây là người nào? Là Pháp thân Bồ Tát, là Bồ Tát Sơ Trụ trở lên bên Viên giáo, hoặc Sơ Địa trở lên của Biệt giáo. Ở vào thời đại trước mắt của chúng ta, người làm ra tấm gương tốt nhất chính là ngài Hải Hiền. Cho nên, A Di Đà Phật phó chúc cho Ngài tiếp tục biểu pháp; trụ thế thêm ít năm, làm tấm gương cho mọi người xem, cho người học Phật nhìn thấy, đặc biệt là người tu Tịnh độ nhìn thấy.

Cả đời Ngài chưa từng làm qua kinh sám, Phật sự năm bài công khóa Ngài đều chẳng biết, đây là những bài công khóa cơ bản. Bài khóa của Ngài chỉ có một câu Phật hiệu, một câu A Di Đà Phật, mọi thời mọi chỗ đều không hề gián đoạn. Trú ở đạo tràng của người khác, Ngài cũng tham gia công khóa sáng. Khóa sáng của người ta là tụng kinh niệm chú, còn Ngài chỉ có một câu Phật hiệu. Một câu Phật hiệu này chính là tùy thuận Chân Như, tu hết thảy pháp, làm tất cả việc, nhưng trong tâm chỉ niệm A Di Đà Phật. Còn ở đạo tràng của mình, thì dọn dẹp môi trường là công việc của Ngài; mà chẻ củi, giã gạo, nấu cơm cũng là việc của Ngài; rửa chén cũng là việc của Ngài. Ngài thích làm những công việc nhà này, vì Ngài hy vọng những người tu hành sống chung với Ngài có thể yên tâm, thoải mái lo niệm Phật cho tốt. Đồng nghĩa, Ngài đang làm nội hộ pháp, hộ pháp có ngoại hộ với nội hộ. Nội hộ chính là những việc nhà vặt vãnh, Ngài sẽ bao hết thậm chí là đối với trụ chúng. Cũng may, trụ chúng không nhiều, lúc nhiều nhất chỉ có năm người; có lúc có hai, ba người; quần áo đều là do Ngài giặt. Cho nên, người ta thích sống chung với Ngài. Ngài vô cùng cần mẫn, không lười biếng; làm việc làm rất nghiêm túc, sạch sẽ gọn gàng.

92 năm chứ chẳng phải ngày một ngày hai, Ngài kiên trì đến cùng, kiên trì đến khi nhiệm vụ biểu pháp sau cùng viên mãn. A Di Đà Phật tiếp dẫn Ngài đến Thế giới Cực Lạc rồi; chuyện còn lại chính là chúng ta phải phát tâm, chúng ta đến làm tiếp, tiếp nối biểu pháp của Ngài. Việc làm và sở tu của Hiền công, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực học theo Ngài. Cốt lõi của việc học tập theo Ngài, chính là đem A Di Đà Phật để vào trong tâm; thấy ai cũng đều là A Di Đà Phật, lúc nào cũng hoan hỷ. Cả một đời, Ngài tu khẩu rất tốt, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ỷ ngữ, không ác khẩu. Trước giờ chưa từng phê bình ai bao giờ, chưa từng hủy báng người nào, cũng chẳng bao giờ oán hận ai; ngay cả khi thợ thu tiền điện tát Ngài hai bạt tai, Ngài cũng không oán trách người ta. Thị hiện nhẫn nhục Ba la mật, cái gì cũng phải có thể nhẫn mới tốt, thế thì liền tâm an lý đắc. Lý là đạo lý, là chân lý, tức là Chân Như. Trong chân tâm không có ô nhiễm, không có phân biệt chấp trước, thuần tịnh thuần thiện. Phải dùng cái tâm này, dùng cái tâm này mà sống qua ngày, thế thì cuộc sống của mình sẽ suôn sẻ, vui vẻ. Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ; đối với tất cả người, việc, vật đều hoan hỷ. Sự hoan hỷ này là do chân tâm lưu lộ ra, từ trong tự tánh lưu xuất ra. Khác với người bình thường, bởi vì tự tánh đầy đủ vô biên công đức. Ngài đã chứng được rồi, đương nhiên còn có đầy đủ vô biên trí huệ.

Có một thứ Ngài chưa có hiện, mà Ngài cũng không thể hiện, đó là gì? Là vô biên tướng hảo, một cái đạt được thì ba cái cùng đạt được. Cho nên, lúc Huệ Năng Đại sư khai ngộ có nói: “***Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ***”, chính là chỉ cho cái này. Ngài vãng sanh Thế giới Cực Lạc thì sẽ hiển thị ra tất cả từ trí huệ, công đức, tướng hảo cho đến thần thông. Vì vậy, từ câu: “***Trong các cõi Phật đều có thể thị hiện***”, trở đi “***là nói về trí đức của Văn Thù***”. Câu: “***Trong các cõi Phật đều có thể thị hiện***”, từ đây trở đi là nói đến trí đức của Bồ Tát Văn Thù, câu nói này quan trọng. Chư Phật, tất cả cõi nước của Phật khắp mười phương ba đời, Ngài muốn đi là đi được. Ngài đến đó để làm gì? Mục đích chính là muốn tu trí huệ viên mãn. Tu phước, phước báu lớn nhất chính là cúng dường Phật. Ngài có thể phân thân, có thể hóa thân; Ngài có thể hóa vô lượng vô biên thân, cùng lúc đến cõi nước của chư Phật để cúng Phật.

Cúng Phật là tu phước, nghe Phật giảng kinh thuyết pháp là cầu huệ, phước - huệ song tu. Một ngày một lần là viên mãn rồi. Một hội chính là vô lượng hội, vô lượng hội chính là một hội. Chúng ta không có cái năng lực ấy. Muốn đến tham phỏng từng nhà một, thì phải lãng phí biết bao là thời gian; mà kết quả đạt được rất có hạn. Các ngài có năng lực đến Thế giới Cực Lạc, thì bản thân các ngài vẫn ở trong giảng đường của A Di Đà Phật, nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, không hề rời khỏi. Mặt khác lại phân thân đi khắp nơi, phân vô lượng vô biên thân. Trong hết thảy cõi nước của chư Phật, đều có các ngài ở đó. Diệu, quá diệu rồi. A Di Đà Phật cũng phân thân, một mặt ở giảng đường giảng kinh, giảng kinh cho đại chúng; mặt khác cũng phân thân đi, phân vô lượng vô biên thân. Để làm gì? Tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh là phân thân của A Di Đà Phật, một người cũng không sót.

Đại chúng, phân thân là để đến mười phương thế giới lễ Phật, nghe kinh. Bạn mà đến Thế giới Cực Lạc ắt sẽ thấy ngay, thấy rồi thì bản thân chúng ta đương nhiên cũng y theo đó mà làm, cũng hệt như họ vậy. Một lần là có thể chứng đắc đại viên mãn, thế thì vì sao vẫn phải thường đi tới đi lui vậy? Cõi này khiến chúng ta lãnh hội được. Tập khí vô thủy vô minh quá khó đoạn, chẳng như kiến tư phiền não, hay trần sa phiền não còn có phần dễ đoạn một chút; chứ còn tập khí vô thủy vô minh thì rất khó đoạn. Ở Thế giới Cực Lạc có sức mạnh vô cùng lớn, khiến cho thần thông, đạo lực của chúng ta đạt đến trình độ ngang bằng với A Di Đà Phật, nên chúng ta đương nhiên là phải phước - huệ song tu rồi. Ngoài ra, trong cõi nước ở mười phương có vô lượng chúng sanh, vô vàn chúng sanh trong đời quá khứ đã từng có duyên với ta. Đến lúc đó, bạn đều biết hết. Nếu đã có duyên với ta, những chúng sanh ấy nếu có khổ có nạn, chúng ta nhất định sẽ hóa thân đến giúp họ giải quyết vấn đề. Phổ độ chúng sanh, gọi là: “***Thượng cầu hạ hóa***”. Lợi ích vãng sanh Thế giới Cực Lạc thật là thù thắng không gì sánh bằng, chúng ta phải tranh thủ cơ hội.

Phần tiếp theo là: “**Chẳng hạn như**”, đưa ra ví dụ để nói rõ về trí huệ của Bồ Tát Văn Thù, “**ví như huyễn sư giỏi hiện các tướng lạ. Trong các tướng ấy, thật không có gì để được**”. Thế thì chúng ta sẽ hỏi, A Di Đà Phật của cõi Cực Lạc hiện vô lượng vô biên thân, đến tiếp dẫn số chúng sanh khắp mười phương thế giới. Tín, nguyện, trì danh, cầu sanh Thế giới Cực Lạc, tướng mà Đức Phật hiện để tiếp dẫn chúng sanh không giống nhau. Vì sao? Vì Phật không có tướng, không có một tướng nhất định nào cả. Hiện tướng là do “***tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng sở tri lượng***”, chúng sanh nghĩ tướng gì thì Ngài liền hiện tướng đó. Sẵn đây, khi chúng ta thờ Phật phải chọn cho mình một tôn tượng A Di Đà Phật, theo hình dáng mà bạn thích ấy..... Rồi cả đời này không bao giờ thay đổi. Đến phút lâm chung, A Di Đà Phật sẽ hiện tướng chính là cái tướng của cái tượng đó. Ngày ngày đều nhìn Ngài, quả nhiên Ngài xuất hiện rồi, bạn sẽ vô cùng hoan hỷ. Thế thì tốt, tất cả đều phải chuyên nhất, đừng quá nhiều. Quá nhiều sẽ tạp, sẽ loạn; đến lúc Phật xuất hiện, bạn còn phải suy nghĩ vị này có thật là A Di Đà Phật hay không. Bạn mà động ý niệm này thì Phật sẽ đi ngay, coi như cơ duyên của bạn vụt qua mất rồi, thế là vẫn phải tiếp tục làm lục đạo luân hồi. Sự việc này chúng ta không thể làm. Hiện nay tốt, kỹ thuật chụp hình vô cùng tinh xảo. Tượng Phật mà chúng ta thờ phụng, chúng ta chụp hình lại rồi cho phóng thành hình. Bất kể là ở nơi đâu, ra ngoài du lịch đều có thể mang theo bên mình. Đến nhà nghỉ chúng ta có thể đặt tượng Phật ở phía trước, thời thời khắc khắc đều bên mình. Còn vị Phật đang thờ trong Phật đường ở nhà thì chẳng hề xê dịch.

Bồ Tát hóa độ chúng sanh cũng là tùy tâm mà ứng lượng, như Quan Thế Âm Bồ Tát 32 ứng. Chúng sanh nghĩ đến Phật tướng thì liền có thể hiện Phật tướng; nghĩ Bồ Tát liền hiện Bồ Tát; nghĩ tướng gì liền hiện tướng đó. Còn bản thân các ngài có khởi tâm động niệm không? Không có, mà là cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Phật tự nhiên có ứng. Phàm là người sanh đến Thế giới Cực Lạc, sẽ được oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, tất cả đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí chính là Pháp thân Bồ Tát, cũng tức là Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Chúng ta minh tâm kiến tánh, đến Thế giới Cực Lạc được A Di Đà Phật gia trì. Sức gia trì của Ngài rất hữu dụng, khẳng khác gì y như tự mình chứng đắc vậy. Cho nên nó khởi tác dụng, chính là chúng ta có thể đến mười phương cúng Phật, nghe pháp, rộng độ chúng sanh. Đến Thế giới Cực Lạc liền có cái năng lực ấy. Chúng ta hy vọng giúp cho thân bằng quyến thuộc nhưng đành bất lực. Nếu như chỉ dựa vào sức tu của chính mình thì phải tu vô lượng kiếp. Gặp được pháp môn, Tịnh tông pháp môn này, bảo đảm cho chúng ta một đời là thành tựu; quyết định không được bỏ qua.

Huyễn sư giỏi, cử ra ví dụ này, cũng như hiện nay chúng ta hay nói là thầy ảo thuật vậy. Họ làm ảo thuật, những trò mà họ biến ra đều không phải thật, nhưng khiến cho người ta xem thấy cảm giác vô cùng chân thật. Bạn nhìn không ra chỗ sơ hở của nó, đó là do họ biến hóa cho mọi người xem. Những vị Bồ Tát này, “***trong các tướng ấy, thật không có gì để được***”, không có vị Bồ Tát nào là không biết. “**Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”, vì sao? Vì biến ra những tướng ấy đều là huyễn tướng, không có cái nào là thật. Nhưng huyễn tướng thật sự khởi tác dụng, vì sao? Vì hiện tượng của biến Pháp giới hư không giới đều là huyễn tướng, do A lại da biến hiện ra. A lại da là pháp sanh diệt, hiện nay chúng ta biết tần suất sanh diệt này. Một giây là 2.100 ngàn tỷ lần sanh diệt, cho nên nó chính ở ngay trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta không cách gì phát giác được. Không những chúng ta không thể nhận ra, mà đến Thanh Văn, Duyên Giác cũng chẳng phát giác được.

Trên kinh Đại thừa thường nói, thật sự nhận biết được phải từ Bát địa trở lên. Từ Bát địa trở lên có năm vị thứ là Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Phật Bồ Tát của năm vị thứ này, các ngài nhìn thấy rất rõ loại tần suất cao này. Từ chỗ này, chúng ta có thể thể hội được mức độ thâm sâu của sức thiền định; rốt cuộc đã tương ứng với tự tánh bổn định rồi. Khi Huệ Năng Đại sư khai ngộ, câu thứ tư, Ngài nói là tự tánh vốn định: “***Nào ngờ tự tánh vốn không dao động***”, đây là tự tánh bổn định. Cho nên, Ngài có thể nhìn thấy hiện tượng dao động trong tần suất cao đến như vậy. Thật không có gì để được, thật không có gì để được, đồng nghĩa đã buông xả hoàn toàn. Cúng Phật, nghe pháp, độ hóa chúng sanh, việc thì phải làm nhưng làm xong rồi thì không để trong tâm, ngay cả như lúc đang làm cũng không hề để trong tâm. Vì sao? Vì các ngài nhìn thấy rất rõ rằng thật chẳng có gì có thể được. Đây là diệu trí của Văn Thù, ***phi hữu phi vô*** “***đều biểu thị ý nghĩa: từ Văn Thù diệu trí tu tập, viên mãn Hạnh Phổ Hiền thù thắng***”. Hạnh môn của ngài Phổ Hiền thù thắng không gì sánh bằng, đứng đầu trong số hàng Bồ Tát.

Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới: “**Tám câu từ chữ ‘trong các cõi Phật trở đi’ đều hiển thị trí đức của các Bồ Tát trong Hội**”, tức là trí đức của ngài Văn Thù. “**Câu: Trong các cõi Phật đều có thể thị hiện, câu này trích từ bản Đường dịch, biểu thị phẩm Đức Phổ Môn thị hiện của các Đại sĩ; chẳng chỉ riêng trong cõi nước này thị hiện tám tướng, mà còn ở trong mười phương thế giới hiện trọn tám tướng**”. Các bậc Đại sĩ là chỉ cho 41 vị Pháp thân Bồ Tát, các ngài đều có cái năng lực ấy. Vừa mới chứng đắc là Bồ Tát Sơ Trụ, dần dần khi tập khí vô minh ngày càng mỏng dần. Địa vị các ngài sẽ được nâng lên, đến khi tập khí vô thủy vô minh được đoạn trừ một cách sạch sẽ, các ngài sẽ rời khỏi cõi Thật Báo, trở về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang là Pháp thân Như Lai; trong cõi Thật Báo là báo thân của Như Lai. Báo thân ẩn rồi thì Pháp thân xuất hiện, Pháp thân không có hình tướng.

Pháp thân ở trong Tịnh độ tông được gọi là Thường Tịch Quang. *Thường* là không sanh không diệt, không có biến hóa, nó thường hằng bất động. Đại sư Huệ Năng có hai câu nói về ý nghĩa của *Thường* là “không sanh không diệt với vốn không dao động”, đây là nghĩa của từ “Thường”. *Tịch* có nghĩa là thanh tịnh, cũng có nghĩa là ẩn. Trong sự ẩn hiện thì nó có nghĩa là ẩn, tức là không có hiện tượng, không có hiện tượng vật chất; không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên, nhưng tất cả đều “vốn tự đầy đủ”. Phần sau khởi tác dụng chính là ứng; chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Ứng cho nên “năng sanh vạn pháp”, hoàn toàn tùy thuộc vào duyên. Khi duyên ứng không còn thì không ứng nữa, liền biến mất; có duyên thì các ngài liền hiện. Cho nên có cảm liền có ứng, cảm mất rồi thì ứng cũng không hiện. Vì vậy, nơi này của chúng ta có thể nhìn thấy năm câu được Huệ Năng Đại sư nói lúc khai ngộ, có thể ăn khớp với phần được nói ở trên.

Vô lượng vô biên các vị Bồ Tát này, mỗi người các ngài đều có thể làm đến được Phổ Môn thị hiện, vì đây là tánh đức. Không những có thể trong cõi nước này thị hiện bát tướng, như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện bát tướng thành đạo trên trái đất này; đồng thời Ngài cũng có khả năng đến mười phương thế giới thị hiện trọn bát tướng. Duyên của nơi nào đó chín muồi rồi, đó tức là cảm, Bồ Tát liền có ứng; chỉ cần Bồ Tát với họ có duyên. Cho nên Bồ Tát phải rộng kết pháp duyên, vậy chúng ta có kết pháp duyên với chúng sanh không? Có. Đối với Bồ Tát thì gọi là pháp duyên, còn đối với chúng ta thì gọi là thiện duyên với ác duyên. Đến khi chúng ta thành Phật rồi, thì thiện duyên hay ác duyên đều biến thành pháp duyên. Tốt, đều chuyển lại hết rồi.

Phần sau có nêu ra ví dụ: “**Ví như huyễn sư giỏi, hiện các tướng lạ. Trong các tướng ấy, thật không có gì để được**”, đây là Kinh văn. Phần trước, Niệm lão dẫn dụng đoạn này làm chú giải, thì ngay chỗ này Ngài cũng có một đoạn giải thích rất đáng để chúng ta học tập: “***Huyễn sư là thí dụ. Trí Độ Luận nói: Phương Tây có nhà huyễn thuật, có thể hóa hiện hết thảy cung điện, thành quách, nhà viện. Thắt khăn thành thỏ, biến đai thành rắn, các thứ biến hiện v.v... Vì vậy, Kinh này mượn tài huyễn hóa của nhà ảo thuật để ví cho Đại sĩ Phổ Môn thị hiện***”. Trước kia phương Tây, người Trung Quốc chúng ta đặc biệt là trong nhà Phật, thường gọi phương Tây. Thành Tây Vực phía nam của vùng Tây Vực là Ấn Độ. Tây Vực hiện nay, là vùng Tân Cương với Tây Tạng; còn phía nam là Ấn Độ, nơi này có không ít các nhà ảo thuật. Những ảo thuật này, không phải là ảo thuật thông thường, nhà Phật chúng ta hay bảo là có thần thông. Có một hạng người họ tin vào thần thông, nhưng nếu bạn nói lý lẽ với họ, họ nghe không hiểu. Căn tánh người Trung Quốc, khác với những dân tộc khác trên toàn thế giới. Khác như thế nào? Vì từ nhỏ đã được tiếp nhận giáo dục.

Bạn xem, người Trung Quốc nói về Thai giáo, cắm gốc giáo dục là một ngàn ngày kể từ lúc chào đời. Những người tiếp nhận qua những loại giáo dục này, bạn có biến ra những trò này họ cũng không tin, họ không tiếp nhận. Nếu giống với kinh điển của Phật, chúng ta có thể tiếp nhận, sẽ hoan hỷ tiếp nhận. Thế gian này, chúng ta quả thật tin có một kiểu người nghe không hiểu đạo lý. Nếu bạn làm ra những ma thuật biến hóa cho họ xem, thì họ lại tin, họ chịu tiếp nhận. Ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật ở Ấn Độ giảng kinh dạy học đôi khi cũng phải thị hiện. Khi Phu nhân Vy Đề Hy gặp nạn, do con trai bà tạo phản, chiếm đoạt vương vị của Vua cha. Vì nóng lòng không thể chờ thêm được nữa, A Xà Thế là Thái tử, Ông nóng lòng muốn lên làm Vua nên hại chết cha ruột của mình; còn mẹ thì đem bỏ vào ngục, mất đi tự do. Cha mẹ của Vua A Xà Thế đều là đệ tử của Phật Thích Ca, là đệ tử quy y. Lúc họ gặp nạn cầu tới Phật, Phật đem theo Xá Lợi Phật, Mục Kiền Liên đến Hoàng cung để thăm Phu nhân Vy Đề Hy; Phật đương nhiên đã hiểu rõ hết mọi chuyện.

Phu nhân Vy Đề Hy thỉnh giáo với Phật: “*Thế giới này quá tàn khốc, có thế giới tốt đẹp nào không còn nhìn thấy những nghịch cảnh thảm họa này chăng?*”. Bà muốn vãng sanh về đó, Phật bèn đem tất cả cõi nước của chư Phật hiện ra cho bà thấy. Đây cũng tựa như biến hóa ma thuật vậy, để bà nhìn thấy thế giới của chư Phật, cho bà chọn lựa. Bà chọn Thế giới Cực Lạc, bà nói thế giới này tốt, liệu bà có thể vãng sanh về đó không? Thế Tôn liền dạy cho bà phương pháp niệm Phật, tổng cộng nói hết 16 loại, tức là “thập lục quán kinh”. Mười sáu phương pháp này, tu một loại bất kỳ nào trong số đó, tu được thành công đều có thể vãng sanh về Thế giới Cực Lạc. Trong đó, “Tín Nguyện Trì Danh” là loại thứ 16, cũng là phương pháp sau cùng nhất; cách cuối cùng nhất là cách thức thù thắng nhất. Người Ấn Độ với người Trung Quốc đều có suy nghĩ tương tự nhau, trong cách sắp xếp thứ tự, thứ tốt nhất đều để sau cùng nhất. Trong nghệ thuật biểu diễn, cảnh cuối nhất cũng là cảnh hay nhất. Vì sao? Vì người ta muốn cho người xem không thể bỏ về nửa chừng. Tại sao? Vì cảnh hay nhất nằm ở đằng sau, bạn vẫn chưa xem tới. Phép quán thứ 16 là phép đặc sắc nhất. Ngay cả chúng sanh lỡ tạo tác tội nghiệp địa ngục, lúc lâm chung gặp được pháp môn này, chịu tin, chịu phát nguyện, chịu niệm A Di Đà Phật, niệm một tiếng hay mười tiếng đều có thể vãng sanh. Phương pháp này quả thật là đệ nhất, biết đến đâu để tìm bây giờ? Có kiểu người này vãng sanh không? Có. Nhiều đời qua đều có, mà hiện nay cũng có. Chứng tỏ, cái này không phải giả.

Thuở đầu khi tôi sống ở Mỹ, Maryland cách không xa Washington, có vị Tiên sinh Chu Quảng Đại; cả nhà Ông không có tín ngưỡng tôn giáo. Ông mắc phải căn bệnh nan y là bệnh ung thư, bệnh viện đã tuyên bố vô phương chữa trị; bảo với cả nhà Ông, hãy mang Ông về. Nói với người nhà, Ông chỉ còn sống được khoảng một, hai tháng. Lúc đó người nhà mới sốt ruột, họ không tin tôn giáo nhưng lại tìm đến chúng tôi, hy vọng có thể có kỳ tích xuất hiện. Thật vậy, tìm đến chúng tôi…chúng tôi đã mang kỳ tích đến rồi. Kỳ tích này không phải là khiến Ông khỏi bệnh, mà là Ông niệm Phật vãng sanh. Vị Tiên sinh này là người tốt, người tốt sẽ có phước. Chúng tôi cử bốn đồng tu qua xem Ông, họ gọi điện về nói với tôi, quả thật là hết cách chạy chữa rồi. Tôi bảo: “*Vậy hãy khuyên Ông ấy niệm Phật*”. Họ khuyên Ông, Ông liền tiếp nhận, liền tin tưởng, Ông liền cùng với chúng tôi niệm A Di Đà Phật.

Ông nói với người nhà: “*Lúc tôi niệm Phật thì chẳng thấy đau đớn nữa*”. Vì đáng lý ra, bệnh ung thư rất thống khổ phải dùng đến thuốc giảm đau, nhưng Ông vừa chịu niệm Phật thì đến thuốc giảm đau cũng không cần. Ông nói với người nhà, Ông muốn cầu sanh Thế giới Cực Lạc, không cần đi tìm thuốc nữa. Mọi người thảy đều giúp Ông trợ niệm, để Ông có thể vãng sanh Tịnh độ. Niệm được ba ngày ba đêm, Ông đi rồi, tướng lành hy hữu, lúc hỏa táng còn có xá lợi. Ba ngày trước lúc vãng sanh mới biết đến Phật pháp, điều hiếm có chính là chúng tôi tin rằng cái này là do thiện căn trong đời quá khứ của Ông; nên Ông mới có thể lập tức tiếp nhận, hoan hỷ vui vẻ chân thật phát nguyện cầu sanh. Ông thành công rồi, đây là một trường hợp chúng tôi nhìn thấy khi ở nước ngoài. Chúng tôi tin tưởng, trường hợp niệm Phật vãng sanh có vô cùng nhiều; chỉ là chúng ta không biết mà thôi, vì không có người truyền tin.

Đoạn chú giải này chúng ta đọc qua một lượt đã: “**Do đó, Kinh chép: Ví như huyễn sư giỏi, hiện các tướng lạ; rồi nói: Trong các tướng ấy, thật không có gì để được**”, phần Kinh văn này đều nằm trong bản Đường dịch. Trong kinh Bảo Tích, Hội Vô Lượng Thọ: “***vì thật sự biết các tướng ấy là huyễn nên với huyễn chẳng mê***”, hai câu này rất quan trọng. Vì thật sự biết rằng nó là giả, chứ không phải thật; cho nên bạn không bao giờ bị mê hoặc bởi những huyễn tướng ấy. Chư Phật Bồ Tát, bao gồm cả A La Hán, đến thế gian này của chúng ta vì để độ người có duyên. Các ngài đối với ngũ dục lục trần, tài sắc danh thực của cái cõi này, chẳng bao giờ bị mê hoặc. Thái độ của các ngài quả thật, giống như Bồ Tát Di Lặc vậy, cũng như lão Hòa thượng Hải Hiền. Vô lượng hỷ duyệt, không có thứ nào các ngài để trong tâm. Hỷ duyện của các ngài là hỷ duyệt đích thực, vì sao? Vì mọi cái của các ngài là từ chân tâm lưu lộ ra, chứ không phải vọng tâm. Cho nên, các ngài có thể cảm động mọi người. Khác với sự giả đò của người bình thường, thế thì không thể cảm động mọi người. Các ngài cảm động mọi người, nhưng các ngài lại không chấp tướng, không mê.

Chúng ta trong đời sống sinh hoạt thường ngày phải nên học hỏi; hiện nay chúng ta có nhà khoa học trợ giúp, chính vì thế phải thường ghi nhớ. Tất cả mọi hiện tượng đều là 1/2.100 ngàn tỷ của giây, là thứ được sản sinh trong hiện tượng dao động này. Trong một giây hiện tượng này, có 2.100 ngàn tỷ lần sanh diệt. Không có một cái nào là thật, là một loại tướng tương tự tương tục. Mỗi một ý niệm, cũng tức là nói, nó là 1/2.100 ngàn tỷ của giây. Mỗi một dao động trong tần suất ấy đều khác nhau, mỗi hiện tượng dao động đều không giống nhau. Bởi vì, chúng ta nhìn trong phạm vi quá nhỏ, cảm tưởng dường như là giống nhau; thấy hôm qua với hôm nay cũng chẳng khác gì; kỳ thực sự biến hóa rất là lớn. Nếu như chúng ta nhìn toàn bộ trái đất này, liền biết mỗi giây đều không giống nhau. Nếu như lại nhìn khắp cả bầu vũ trụ này, nhìn thái dương hệ, nhìn hệ ngân hà vô lượng vô biên thế giới, thì khác biệt cực kỳ lớn. Đơn vị này là ngàn tỷ, một giây là 2.100 ngàn tỷ, thảy đều ở ngay trước mắt chúng ta. Nếu như bạn biết được chân tướng sự thật này, liền chẳng bao giờ bị mê hoặc. Pháp thân Bồ Tát đều biết, từ Bát địa trở lên, mỗi tướng sanh diệt các ngài đều nhìn thấy một cách rõ ràng. Cho nên có được công phu thiền định này, từ định xuất sanh ra trí huệ, trí huệ nhìn thấy rõ ràng, vĩnh viễn không bao giờ mê.

“***Như trong Kinh Bảo Tích, Học Huyễn Thái tử nói kệ khen ngợi Phật rằng***”, đây là dẫn dụng từ trong Kinh đại Bảo Tích. Thái tử Học Huyễn bảo rằng: “***Như huyễn sư huyễn hóa, tự chẳng mê nơi huyễn***”. Những thầy ma thuật này biến hóa ra các huyễn tướng ấy, các ngài biết rõ là giả chứ không phải thật nên các ngài chẳng mê. “***Vì biết huyễn hư vọng, Phật xem đời cũng thế***”, Phật nhìn sáu nẻo luân hồi hay nhìn mười Pháp giới. Cũng giống như bậc thầy ảo thuật, nhìn thấy người ta biến ra những trò huyễn thuật vậy, “***đây cũng chính là như***” Kinh Viên Giác. Trong Kinh này có hai câu nói rất hay: “***Kinh Viên Giác dạy rằng: Biết huyễn liền lìa, lìa huyễn chính là Giác***”. Biết huyễn liền lìa tướng, chữ “lìa” này tức là không để nó trong tâm. Trên mặt sự thì vẫn có, còn trong tâm thì rỗng không; lìa huyễn chính là Giác, là Tự Tánh Giác. “***Vì vậy, đối với huyễn tướng chẳng chấp, chẳng đắc***”, không có ý niệm được mất nên quyết định không có chấp trước. “***Kinh văn nhiều lần khen ngợi tỉ mỉ Thật đức và Quyền đức của Đại sĩ***”, mọi thứ đều có thể thị hiện chính là Quyền. Nhưng thật chẳng thể được thì là thật, sự thật là vậy! Hai câu kinh phía dưới là “Hợp”: “***Bỉ chư Bồ Tát, các Bồ Tát ấy cũng lại giống như thế***”, bỉ (此) là chỉ cho cái hội ngay lúc ấy. Các chúng Bồ Tát trong Hội Vô Lượng Thọ, các ngài giống như trong Kinh Viên Giác nói vậy, “***các Đại sĩ trong Hội đều trọn vẹn hai đức quyền, thật***”, viên mãn trọn vẹn.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai, phía trước là thị hiện tướng nhưng vô đắc. Đến chỗ này lại nói sâu thêm một tầng, chính là “siêu tình ly kiến”. Đoạn Kinh văn này khá dài, phần sau chia thành bảy đoạn. Đoạn thứ nhất là “***thông đạt tánh tướng***”, chỗ này chỉ có hai câu kinh là: “***Thông các Pháp tánh, đạt chúng sanh tướng***”. *Thông (通)* là không có chướng ngại, ***đạt (達)*** là thấu suốt. *Thông đạt* có thể hợp lại mà nói thì chính là: “Thông đạt các Pháp tánh, thông đạt chúng sanh tướng”. Các Pháp tánh là thật, còn chúng sanh tướng là giả; như vậy mới có thể siêu tình ly kiến. *Tình* là vọng tưởng, chấp trước; *Kiến* là đem giả cho thành thật. Nhìn sai rồi, làm thế nào để có thể siêu việt những tình kiến hư huyễn này? Thứ nhất là phải thông đạt tánh tướng, Kinh văn nói là: “**Thông các Pháp tánh, đạt chúng sanh tướng**”. Pháp tánh ở trong triết học gọi là bản thể, hết thảy pháp thế xuất thế gian đều từ đó mà sanh ra, nó có thể năng sanh năng hiện. Trong Đại thừa giáo gọi nó là Pháp tánh. Khi Phật thuyết pháp dùng rất nhiều danh từ Pháp tánh này. “**Pháp tánh cũng gọi là thật tướng**”, thật tướng là chân tướng, là cái tướng vĩnh hằng bất biến; đó chính là vô tướng, cũng gọi là “Chân Như”, cũng gọi là “Pháp giới”, cũng gọi là “Niết bàn, Thật tế”.

Phần sau còn một chữ nữa là: “***Vân vân…***” . Sự việc này trong Đại thừa giáo, danh từ Pháp tánh này được Phật nói đến mấy chục cái. Vì sao cùng một sự việc lại nói nhiều danh từ đến như vậy? Trong này có ý nghĩa rất sâu, chính là bảo chúng ta đừng chấp vào tướng danh tự; danh từ là giả không phải thật. Bất kể là nói cái gì, chỉ cần là đang nói về sự việc ấy là được, đều đúng cả; đừng chấp vào tướng danh tự làm gì. Lão tử có nói: “***Danh khả danh, phi thường danh***”, vì vốn dĩ chẳng có tên gọi nào cả, vì để khởi kiến nên phương tiện thuyết mà thôi. Giả thiết cho nó một cái tên mà thôi. Nói danh là giả danh, chứ không phải thật, chúng ta liền hiểu được ý nghĩa này. Tướng danh tự phải xả bỏ, đừng để trong tâm. Để trong tâm đó là ý niệm, là ô nhiễm, là phân biệt, là ô nhiễm. Chúng sẽ chướng ngại chúng ta kiến tánh; muốn chân thật kiến tánh thì phải buông bỏ cái thứ này.

“***Tánh là thể, thể của hết thảy pháp gọi là Pháp tánh***”, *Pháp* tức là hết thảy pháp, *Thể* là tự thể. Tự thể của hết thảy pháp thì gọi là Pháp tánh, “***như sách Khởi Tín Luận nghĩa ký giảng. Pháp tánh nghĩa là hiểu rõ chân thể này phổ biến, thông với hết thảy pháp làm tánh***”. Pháp thì có vô lượng vô biên, còn tánh thì chỉ có một, đều là từ cái tánh này biến hiện ra. Cho nên, cái tánh ấy cũng còn gọi là tự tánh; Huệ Năng Đại sư gọi là tự tánh. Tự tánh với Pháp tánh là cùng một tánh; Pháp tánh là tánh của vạn pháp, bạn xem Huệ Năng Đại sư bảo: “***Nào ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp***”. Tánh của vạn pháp chính là tự tánh, là một không phải hai. Sự việc này khi đã thật sự nhận biết một cách rõ ràng, thật sự tường tận, đó gọi là chứng đắc; tức là chữ “thông đạt” được nói ở chỗ này, đây chính là kiến tánh rồi. Tự thể trông ra làm sao? Nó chẳng có bất kỳ hình tướng nào, Tịnh độ tông gọi nó là Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang chính là Pháp tánh, Pháp tánh chính là Thường Tịch Quang. *Thường* là không sanh không diệt. Không những không sanh diệt mà nó còn vĩnh viễn không biến đổi, tức là tự tánh vốn định, vốn không dao động. Nó trước giờ vốn chưa hề dao động, nó ở đâu vậy? Không chỗ nào không có, không lúc nào không có. Ngay cả thời gian, không gian đều do nó biến hiện ra, nó là bản thể của vạn pháp.

Chúng ta trong quá trình học tập Kinh giáo, thường dùng màn hình Ti vi làm ví dụ, để ví Thường Tịch Quang chính là màn hình. Màn hình được mở lên thì chỉ là một mảng quang minh, trong đó cái gì cũng không có. Đây gọi là bản thể, chúng sanh có cảm. Thường Tịch Quang là Pháp thân Phật, không có hình tướng nhưng có thể năng hiện tất cả tướng. Năng hiện tướng bằng cách nào? Chúng ta nhấn nút chọn kênh chính là cảm. Nhấn nút chọn kênh một tiếng “ing” vang lên thì tướng lập tức liền xuất hiện. Khi chúng ta tắt kênh đi, thì tướng lập tức liền biến mất.

Tần số của Quang, Thường Tịch Quang: Ti vi vừa mở lên nhưng chưa có chọn kênh, thì khi mở Ti vi, nó chỉ có một dải sáng, đây là “không sanh không diệt, vốn không dao động”. Nhưng một khi nhấn chọn kênh, sắc tướng liền xuất hiện. Sắc tướng này, tần suất của nó là 1/100, tức là trong một giây nó sanh diệt 100 lần. Đây là tần suất của truyền hình hiện tại, so với điện ảnh thuở trước mà chúng tôi xem, điện ảnh lúc đó là dùng cuộn phim, là do chuyển động hình ảnh mà thành loại điện ảnh này. Khi ống kính được mở ra, thì hình ảnh liền được chiếu lên màn hình là 1/24 giây; cũng tức là trong một giây, nó sẽ thay đổi 24 tấm hình. Tấm hình này, khi ống kính được mở ra, một tấm hình sẽ được chiếu lên màn hình; sau đó nó lập tức liền đóng lại, ống kính lại mở ra và chiếu lên tấm thứ hai, một giây có 24 lần như vậy. Chúng ta xem thấy dường như là thật, cho nên ảnh động thì một giây có 24 tấm, nhìn thấy dường như có vẻ là thật. Tần suất của truyền hình, truyền hình thông thường trước kia là 50 tấm; còn bây giờ là kỹ thuật số. Truyền hình kỹ thuật số là 100 tấm, tức là một giây sanh diệt 100 lần, tần suất là 100 lần. Chúng ta thấy càng chân thật hơn nữa, một chút cũng không nhìn ra nó là giả.

Hoàn cảnh thực tế hiện nay, mắt thấy tai nghe, mũi ngửi lưỡi nếm, mọi hiện tượng mà sáu căn tiếp xúc đến. Ở trong tần suất bao nhiêu vậy? Là một giây có 2.100 ngàn tỷ lần, chúng ta làm sao có thể biết nó là giả được. Thế mới biết chư Phật Bồ Tát ở trong mức thiền định thâm sâu, cái tâm đó của các ngài mới có thể quan sát được dao động cực kỳ vi tế như thế. Các ngài có thể nhìn thấy, từ Bát địa trở lên có thể thấy được một niệm bất giác. Một niệm bất giác đó, chính là như tần số truyền hình vậy. Một niệm bất giác thì hình ảnh liền xuất hiện, không có trước sau, là nhất thời đốn hiện. Chính là 1/2.100 ngàn tỷ trong một giây, một niệm dưới tần suất cao như vậy mà xuất hiện cả toàn bộ vũ trụ, không hề có trước sau. Vì sao có thể hiện? Vì trong tự tánh vốn dĩ tự đầy đủ nếu như vốn dĩ nó không có thì nó không bao giờ hiện ra được.

Cho nên, câu thứ ba Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “***Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ***”, đầy đủ hết thảy pháp của toàn vũ trụ. Nó phải tương ứng với câu thứ năm, câu thứ năm là: “***Nào ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp***”. Nó phải tương ưng với cái này, vì sao có thể năng sanh? Đó là nhờ duyên, chúng ta hay nói là cảm ứng, chúng sanh có cảm. Thường Tịch Quang là Pháp thân, Thường Tịch Quang liền có ứng. Cho nên, Thường Tịch Quang là sống chứ không phải chết. Đã vậy nó còn vô cùng nhạy bén, không gì không biết, không gì không thể. Đây chính là năng sanh vạn pháp, đây là chân tướng sự thật, đây là bí mật của toàn vũ trụ. Đức Phật trong Kinh Đại thừa đã nói rất rõ về nó. Nhà khoa học vẫn chưa chứng đắc, các nhà khoa học vẫn đang nghiên cứu mệnh này. Nhưng đến nay vẫn chưa thâm nhập vào được, thế mà Đức Phật làm sao biết được? Phật là nhờ nhập vào trong thiền định nên mới biết. Còn nhà khoa học là dùng công cụ, dùng đại số toán học, dùng đại số cao cấp. Từ đó mà biết đến có những hiện tượng này, có khả năng này. Sau đó họ lại sử dụng công cụ tinh vi để chứng minh chúng.

Mấy ngày trước, có đồng học đưa cho tôi một bản tư liệu. Hiện nay, màn trập của máy ảnh Nhật Bản đã có thể đạt đến tốc độ một phần một trăm triệu của giây. Tốc độ nhanh đến như vậy, nhưng cái mà kinh Phật nói đến, đơn vị là ngàn tỷ chứ không phải là trăm triệu. Với tốc độ nhanh đến như vậy thì cực kỳ khó nắm bắt được, trong một giây có một trăm triệu lần. Thuở chúng tôi còn trẻ, dùng máy chụp hình, dùng dạng phim nhựa thế này. Màn trập của nó là 1/1000 của một giây, 1/1.000 của một giây. Nếu chụp hình máy bay phản lực hiện nay, khi nó đang bay trên không, chụp lại bức hình đó thì sẽ thấy rất rõ, dường như thấy nó đứng yên. Hiện nay có thể đạt đến tốc độ một phần trăm triệu của giây, so với điều được Đức Phật đề cập đến cũng còn cách một khoảng. Nếu như có chiếc máy ảnh thật sự có thể đạt đến vận tốc 1/2.100 ngàn tỷ của giây, thì nó liền có thể chụp được chân tướng, chúng ta liền có thể thấy được. Trong Phật pháp hoàn toàn không dùng đến công cụ, mà hoàn toàn phải dựa vào định lực. Định công là bản năng, được thọ dụng chân thật, nhà khoa học đã chứng thực được nhưng họ không có được thọ dụng. Sự khác biệt này chúng ta không thể không biết. Thật sự thọ dụng chính là trí huệ, thần thông, đạo lực thảy đều xuất hiện.

Nhà khoa học thì chẳng có cách nào, hoàn toàn phải dựa vào công cụ máy móc. Con người có khả năng chế tạo ra công cụ này, có thể phát hiện nhưng đó không phải là thân chứng. Nhất định phải dùng đến thân chứng mới được, đây là điều mà nhà Phật hết sức chú trọng. Lý niệm, phương pháp dạy học này của nhà Phật, sau khi truyền vào Trung Quốc, nhà Nho Trung Quốc đã tiếp nhận, Đạo gia cũng tiếp nhận. Chính vì thế ở Trung Quốc trong 200 năm gần đây, công nguyên được 67 năm thì Phật giáo chính thức được truyền vào Trung Quốc, chuyện này là do Hoàng đế Trung Quốc sai đặc sứ qua Tây Vực lễ thỉnh hai vị pháp sư là ngài Ma Đằng và ngài Trúc Pháp Lan. Hai ngài mang theo tượng Phật, cùng với kinh sách sang Trung Quốc. Hoàng đế Trung Quốc bèn cho xây chùa Bạch Mã Tự để tiếp đón hai Ngài. “Tự” là cơ cấu làm việc của Chính phủ vào thời đó, nơi trực tiếp thuộc quyền quản lý của Hoàng thượng thì gọi là Tự; còn giao cho thừa tướng cai quản được xưng là Bộ.

Cho nên, đem Phật pháp hoàn toàn đứng ngang hàng với cùng tiêu chuẩn, cơ cấu của một cấp đơn vị làm việc của Hoàng gia. Đây là một dạng đãi ngộ, về sau đạo tràng Phật giáo đều xưng là Tự. Tự với miếu hoàn toàn khác nhau, nó là một cơ cấu dạy học. Đồng nghĩa, Trung Quốc có hai bộ giáo dục, Thủ tướng thì quản lễ bộ, tức là bộ giáo dục; quản lý mảng giáo dục thông thường, đây là giáo dục của quốc gia. Còn Bạch Mã Tự là giáo dục Phật Đà, do Hoàng thượng cai quản, dùng lời hiện nay mà nói chính là “giáo dục tôn giáo”. Hai từ “tôn giáo” này, nếu dùng chữ Trung Quốc thì Phật giáo đích thực là “tôn giáo”. Ở Trung Quốc, từ “Tôn” có ba nghĩa, là “chủ yếu, trọng yếu và tôn sùng”, có ba nghĩa như vậy. “Giáo” cũng có ba nghĩa, là “giáo dục, giáo học và giáo hóa”. Nếu hợp từ “tôn giáo” này lại, chúng ta thêm vào hai từ nhân loại, thì tôn giáo là giáo dục chủ yếu, là giáo học trọng yếu và tôn sùng giáo hóa của nhân loại theo đó.

Phật giáo hoàn toàn tương ứng Phật giáo không mê tín. Phật giáo thừa nhận có thiên thần, có quỷ thần. Thiên thần, quỷ thần cũng là chúng sanh lục đạo. Giáo dục Phật giáo là dạy cái gì? Chúng tôi đã học Phật biết bao năm qua, hơn 60 năm rồi, nên tôi thật sự biết “giáo học”. Phật giáo chẳng qua không ngoài năm điều này, là “luân lý, đạo đức, nhân quả”. Đây là giáo dục thế gian của Phật giáo, đây là giáo dục phổ thế, giáo dục hướng thượng, Thiền tông bảo là: “***Hướng Thượng Nhất Trước***”. Ngoài ra, Phật giáo còn là: “***Khoa học cao cấp, với triết học cao cấp***”, như thế coi như đã bao trọn hết Phật giáo rồi. Phật giáo là triết học, với khoa học đỉnh cao nhất, Đại thừa Phật pháp chúng ta phải nhận thức được nó; nó là trí huệ đỉnh cao, khoa học đỉnh cao. Khi chúng tôi nhận thức nó, thấu hiểu nó, chúng tôi mới thật sự nảy sinh lòng yêu thích nó, nghiêm túc đến học tập Phật giáo.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**